|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH TÂY NINH **BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tây Ninh, ngày tháng năm 2025* |

**ĐỀ ÁN**

**Xây dựng Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

**(*Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND***

***ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh*)**

**PHẦN I**

**THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG THU, CHI TẠI CÁC CỬA KHẨU THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 05/2021/NQ-HĐND**

**I. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TẠI CỬA KHẨU**

Tây Ninh là một tỉnh có vị trí chiến lược về kinh tế và quốc phòng, là cửa ngõ quan trọng phía Tây mở ra các nước Đông Nam Á của vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Toàn tỉnh hiện có diện tích tự nhiên là 4.041,4 km² và dân số 1.194.905 người (*tính đến tháng 3/2024*).

Ngoài ra, Tây Ninh là địa phương giáp Campuchia với chiều dài đường biên giới khoảng 240 km, thuộc nhóm tỉnh có đường biên giới đất liền dài nhất với Campuchia ở khu vực phía Nam Việt Nam. Tỉnh sở hữu hệ thống cửa khẩu chiến lược gồm 3 cửa khẩu quốc tế (Mộc Bài, Xa Mát, Tân Nam) và 3 cửa khẩu chính (Chàng Riệc, Phước Tân, Kà Tum). Trong đó, cửa khẩu quốc tế Mộc Bài cách TP. Hồ Chí Minh 70 km, là cửa khẩu đường bộ lớn nhất phía Nam trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, kết nối trực tiếp với các khu công nghiệp tại Svay Rieng (Campuchia) và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Đối với công tác quản lý nhà nước tại cửa khẩu, ngoài Ban Quản lý Khu kinh tế, còn có các lực lượng chức năng khác (Hải quan, Biên phòng, Y tế, …) thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao của từng ngành. Mỗi đơn vị hoạt động độc lập, chịu sự chỉ đạo trực tiếp từ cơ quan cấp trên hoặc ngành dọc. Tuy nhiên, về quản lý nhà nước nói chung, Ban Quản lý Khu kinh tế là đơn vị chủ trì điều phối hoạt động của các cửa khẩu chính, cửa khẩu quốc tế trong khu kinh tế theo quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế và thực hiện chức năng thống nhất quản lý các hoạt động tại cửa khẩu theo quy định tại Chương II Quyết định số 45/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 tháng 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Hiện tại, công tác triển khai thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu (sau đây gọi là thu phí hạ tầng cửa khẩu) trong khu kinh tế thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát, Chàng Riệc, Tân Nam (sau đây gọi là Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND).

Đối với hoạt động thu phí hạ tầng cửa khẩu, tỉnh đang giao cho 02 đơn vị tổ chức thu phí hạ tầng cửa khẩu gồm: **Trung tâm quản lý cửa khẩu Tây Ninh** trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh (*tại cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, Xa Mát, Tân Nam*) và **UBND huyện Tân Biên** (*tại cửa khẩu chính Chàng Riệc*) thực hiện.

**II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 05/2021/NQ-HĐND**

Từ tháng 8 năm 2014, Tây Ninh bắt đầu triển khai thu phí hạ tầng cửa khẩu theo Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh (*thu phí cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát*); điều chỉnh tại Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh (*bổ sung thu phí Chàng Riệc*).

Hiện nay, việc triển khai thu phí hạ tầng cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát, Chàng Riệc, Tân Nam.

**1. Kết quả thu phí tại các cửa khẩu**

Giai đoạn 01/7/2021 - 31/12/2024, tổng thu phí tại 4 cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát, Tân Nam, Chàng Riệc đạt **1.216.404** triệu đồng, bình quân 311.721 triệu đồng/năm, tăng **13,80%** so với giai đoạn 2014-2020 (**273.929 triệu đồng/năm**). Trong đó:

* *Mộc Bài:* Thu **967.171** triệu đồng (*chiếm* ***79,50%*** *tổng thu*), tăng 33,43% từ 241.324 triệu đồng (2023) lên 321.996 triệu đồng (2024).
* *Xa Mát:* Thu **114.745** triệu đồng (*chiếm* ***9,40%*** *tổng thu*), giảm 16,25% từ 29.900 triệu đồng (2023) xuống 25.040 triệu đồng (2024).
* *Tân Nam:* Thu **11.169** triệu đồng (*chiếm* ***0,90%*** tổng thu), tăng 5,93% từ 3.779 triệu đồng (2023) lên 4.003 triệu đồng (2024).
* *Chàng Riệc:* Thu **123.319** triệu đồng (*chiếm* ***10,10%*** *tổng thu*), tăng 3,97% từ 33.706 triệu đồng (2023) lên 35.045 triệu đồng (2024).

Về tổng nguồn thu các cửa khẩu thì nguồn thu chủ yếu từ Mộc Bài (***79,5%,*** *trong đó từ xe quá cảnh chiếm* ***88,5%*** *tổng thu Mộc Bài).*

Lũy kế công tác thu phí từ khi triển khai công tác thu giai đoạn 8/2014 - 2024 tại các cửa khẩu: lũy kế từ năm 2014 đến nay thu nộp ngân sách trên **2.880.691** triệu đồng, bình quân mỗi năm trên **274.351** triệu đồng.

(*đính kèm phụ lục 1, 2)*

**2. Kết quả mức thu, tỷ lệ phần trăm để lại cho đơn vị thu phí**

Trên cơ sở mức thu từng cửa khẩu và áp dụng tỷ lệ để lại theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND: Tổng số để lại giai đoạn 01/7/2021-2024 là **56.086** triệu đồng cụ thể:

* Mộc Bài: 3% (29.015 triệu đồng).
* Xa Mát: 11% (12.622 triệu đồng).
* Tân Nam: 30% (3.351 triệu đồng).
* Chàng Riệc: 9% (11.099 triệu đồng).

**3. Công tác quản lý, sử dụng nguồn thu phí**

Tổng thu **1.216.404** triệu đồng, nộp ngân sách **1.160.318** triệu đồng (***95,4%*** *tổng nguồn thu*), để lại **56.086** triệu đồng. Chi hoạt động bình quân 8-9 tỷ đồng/năm, chủ yếu cho lương, vận hành (điện, nước, văn phòng phẩm, bảo hiểm phòng cháy chữa cháy,…), bảo trì hạ tầng.

*(đính kèm Phụ lục 2)*

**III. THỰC TRẠNG THU PHÍ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN RA, VÀO CỬA KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH VỚI CÁC ĐỊA PHƯƠNG LÂN CẬN (*LONG AN VÀ BÌNH PHƯỚC*)**

**1. Mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào khu vực cửa khẩu**

**a. Về mức thu**

Xe tải trên 18 tấn xuất nhập khẩu (XNK): Tây Ninh 500.000 đồng/lượt, cao gấp **3,33** lần Long An (*150.000 đồng/lượt*) và **1,67** lần Bình Phước (*300.000 đồng/lượt*).

Xe quá cảnh: Tây Ninh 2.500,000 đồng/lượt, cao gấp **3,33** lần Long An (*750.000 đồng/lượt*) và **8,33** lần Bình Phước (*300.000 đồng/lượt*).

**b. Về số thu**

Số thu tại Tây Ninh tăng đều qua các giai đoạn: bình quân **273.929** triệu đồng/năm (2014-2020) và tăng lên **311.721** triệu đồng/năm (2021-2024), tăng **13,8%.**

Riêng giai đoạn thực hiện Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND (2021-2024), tổng thu đạt **1.216.404** triệu đồng *(trong đó* ***917.748*** *triệu đồng (****chiếm 75,4%****) từ xe quá cảnh*), khẳng định nguồn thu chủ lực từ hoạt động này.

**c. Về cấu trúc nguồn thu**

* Cửa khẩu Mộc Bài đóng góp lớn nhất với **967.171** triệu đồng (*79,5% tổng thu*), chủ yếu từ xe quá cảnh (***88,5%*** *tổng thu Mộc Bài*).
* Các cửa khẩu còn lại có tỷ trọng thu thấp hơn, trong đó Chàng Riệc **10,1%**, Xa Mát chiếm **9,4%**, Tân Nam **0,9%.**

*So với các tỉnh lân cận, số thu tại Tây Ninh tăng nhiều lần so với các địa phương khác*. Cụ thể:

* Tây Ninh - Bình Phước (*2022-2024*): 1.069.851 / 43.008 = **24,87** lần.
* Tây Ninh - Long An (*2023-2024*): (308.709 + 386.084) / 26.401 = **26,31** lần.

*(đính kèm tại Phụ lục 2, 3)*

**2. Thực trạng lượng phương tiện qua lại cửa khẩu**

Tổng lưu lượng phương tiện và quy mô giao thương hàng hóa tại Tây Ninh vượt trội hơn nhiều lần so với Long An và Bình Phước. Điều này minh chứng Tây Ninh có vai trò quan trọng trong giao thương cửa khẩu, đặc biệt là quy mô giao thương lớn với Campuchia tương xứng với vị trí địa lý địa phương. Cụ thể:

* Giai đoạn (2021-2024): Tây Ninh có 1.400.182 lượt phương tiện, gấp **18,05** lần Long An (77.585 lượt) và **7,63** lần Bình Phước (183.475 lượt).
* Lượt xe quá cảnh tại Tây Ninh cao gấp **8,62** lần Long An (449.480 lượt so với 52.152 lượt). Riêng Bình Phước không có dữ liệu xe quá cảnh.

So sánh cụ thể giữa các cửa khẩu lớn, chủ lực của từng địa phương: Mộc Bài (Tây Ninh) năm 2024 có 245.348 lượt xe, gấp **3,37** lần Hoa Lư (Bình Phước) và **9,62** lần Bình Hiệp (Long An).

**3. Đánh giá mức thu của Tây Ninh các địa phương lân cận**

So sánh mức thu với các tỉnh lân cận (Long An, Bình Phước), mức thu tại Tây Ninh tuy có cao hơn, nhưng tương xứng với quy mô, vị thế, tình hình và điều kiện thực tế tại Tây Ninh do:

*(1) Vị trí địa lý chiến lược:* với lợi thế của cửa khẩu Mộc Bài, gần các cảng biển lớn, giúp giảm 20-30% chi phí logistics, thu hút lưu lượng xe lớn hơn qua khu vực này.

Cửa khẩu Mộc Bài cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 70 km. Hạ tầng kết nối giao thông từ Cửa khẩu Mộc Bài đến Thành phố Hồ Chí Minh rất thuận lợi, đặc biệt là kết nối đến các Cảng của Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời Cửa khẩu Mộc Bài là cửa khẩu quốc tế đường bộ lớn nhất phía Nam trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia, nằm ngay trên trục đường Xuyên Á (quốc lộ 22A). Cửa khẩu Mộc Bài không chỉ là một cửa ngõ của Tỉnh Tây Ninh trong việc phát triển giao lưu thương mại với Campuchia mà còn giữ vai trò quan trọng trong xây dựng, phát triển kinh tế hướng ngoại, trở thành trung tâm thương mại quốc tế, thực hiện chương trình hợp tác Tiểu vùng sông Mêkông trong chiến lược phát triển kinh tế ở phía Nam - Việt Nam. Là cầu nối giữa TP. Hồ Chí Minh, trung tâm kinh tế lớn nhất của Việt Nam với Thủ đô PhnomPenh của Vương quốc Campuchia với khoảng 170 km đường bộ.

Về điều kiện hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng kết nối giao thông từ Cửa khẩu các địa phương lân cận không thuận lợi như Tây Ninh (*cửa khẩu Hoa Lư cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 150 km và cách thủ đô Phnom Penh của Campuchia 300 km; cửa khẩu Bình Hiệp (Long An) cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 100 km và Phnom Penh khoảng 120 km*) và phương tiện qua lại cửa khẩu hàng năm không nhiều.

*(2) Nguồn thu chủ yếu từ xe quá cảnh:* Tại Mộc Bài, xe quá cảnh chiếm 51,2% tổng lượt xe (360.964/704.592 lượt) và 88,5% tổng thu (856.115/967.171 triệu đồng) giai đoạn 2021-2024, phản ánh vai trò cửa ngõ quá cảnh lớn nhất phía Nam.

*(3) Tỷ lệ thu hàng năm tăng:* Từ 2021-2024, số thu tại Mộc Bài tăng lần lượt 13,1% (2022), -15,9% (2023 do suy giảm kinh tế toàn cầu, đại dịch Covids-19), và 33,43% (2024), cho thấy xu hướng tăng trưởng bền vững khi kinh tế phục hồi.

**IV. MẶT ĐƯỢC, MẶT HẠN CHẾ KHI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 05/2021/NQ-HĐND**

**1. Mặt được**

- *Mức thu tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND là phù hợp với thực tiễn*: Việc duy trì mức thu ổn định và tăng trưởng từng năm giúp đảm bảo nguồn thu ngân sách ổn định, đồng thời không gây ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu.

- *Vị trí chiến lược của Mộc Bài:* Cách TP. Hồ Chí Minh 70 km, gần các cảng biển lớn, nằm trên tuyến Xuyên Á (Quốc lộ 22A) nối Mộc Bài - Phnom Penh (Campuchia) khẳng định vai trò cửa khẩu trọng điểm phía Nam.

*- Nguồn thu ổn định và tăng trưởng:* Bình quân 311.721 triệu đồng/năm (2021-2024), tăng **13,8%** so với 273.929 triệu đồng/năm (2014-2020). Riêng Mộc Bài tăng **33,43%** năm 2024, vượt kế hoạch dù năm 2023 tổng thu tại các cửa khẩu giảm 15,9% do kinh tế toàn cầu suy thoái, bệnh dịch.

*- Nguồn thu chính từ phương tiện quá cảnh:* Giai đoạn 2021-2024, phương tiện quá cảnh[[1]](#footnote-1) chiếm **51,2%** (*360.964/704.592 lượt*), thu 856.115 triệu đồng (***88,5%***), phù hợp định hướng phát triển cửa khẩu quốc tế tại Quyết định số 1200/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

*- Doanh nghiệp chấp nhận mức thu hiện tại:* Tuy mức thu 500.000 đồng/lượt (xe trên 18 tấn) tuy có cao hơn một số tỉnh lân cận (Long An, Bình Phước) nhưng so với mức thu tại một số cửa khẩu khu vực phía Bắc thì mức thu tại Tây Ninh vẫn còn thấp hơn Lạng Sơn (1.000.000 đồng) và Móng Cái (800.000 đồng).

*- Hiệu quả quản lý:* Phối hợp với hải quan, biên phòng giai đoạn 2021-2024 giúp tăng thu **33,43%** tại Mộc Bài năm 2024, nhờ quy trình minh bạch (tương tự Lạng Sơn).

*- Tạo nguồn tái đầu tư:* Thu từ Mộc Bài (79,5%) hỗ trợ nâng cấp hạ tầng một số khu vực tại cửa khẩu[[2]](#footnote-2).

**2. Tồn tại, hạn chế**

*- Tỷ lệ để lại thấp và không đồng đều:* Mộc Bài 3% (*9.659 triệu đồng năm 2024*) không đủ chi vận hành dù chiếm 79,5% tổng thu, trong khi Tân Nam 30% (*1.201 triệu đồng*) dù chỉ 0,9%. So với Bình Phước (100%), Long An (90%), mức 3% tại Mộc Bài không đáp ứng nhu cầu thực tế.

*- Chưa mở rộng phạm vi thu phí:* cửa khẩu chính Phước Tân và Kà Tum chưa triển khai việc thu phí, tạo sự bất cập so với cửa khẩu chính Chàng Riệc.

*- Phát sinh đối tượng thu:* Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND phát sinh một số đối tượng phương tiện để có thể áp dụng mức thu do chưa được điều chỉnh trong Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND như: container trên 40 fit, 1 container chở 02 thùng container cùng loại 20 fit.

**3. Nguyên nhân**

*- Tỷ lệ để lại:* tạiĐiều 2 Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND quy định tỷ lệ % mức khác nhau cho từng cửa khẩu.

*- Phạm vi thu:* Chưa cập nhật cửa khẩu chính Phước Tân, Kà Tum do có chủ trương thực hiện.

*- Đối tượng thu phát sinh:* Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND chưa điều chỉnh việc áp dụng thu cho một số đối tượng phương tiện phát sinh như: container trên 40 fit, 1 container chở 02 thùng container cùng loại 20 fit.

**PHẦN II**

**CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT THAY THẾ NGHỊ QUYẾT SỐ 05/2021/NQ-HĐND**

**CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

**1. Cơ sở pháp lý**

- Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

- Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật phí và lệ phí;

- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 11 tháng 02 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh;

- Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh;

- Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Tây Ninh sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 3 của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;

- Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 6 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc tổ chức lại mô hình hoạt động của Ban quản lý cửa khẩu quốc tế Tây Ninh thành Trung tâm quản lý cửa khẩu Tây Ninh trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh;

- Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 6 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm quản lý cửa khẩu Tây Ninh trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh;

- Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giao trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động tại các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

**2. Sự cần thiết xây dựng Đề án**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*”.

Theo quy định tại Luật phí và lệ phí năm 2015 và các văn bản hướng dẫn, về thẩm quyền quy định mức thu phí, lệ phí thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Theo đó, tại Điều 5[[3]](#footnote-3) Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ tài chính quy định “*căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí phù hợp*”.

Trên cơ sở kế thừa mức thu phí sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào Cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát từ tháng 8/2014 theo Nghị quyết số 13/2014/ NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh *(thu phí cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát);* Nghị quyết số 37/2016/ NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh (*bổ sung cửa khẩu thu phí Chàng Riệ****c***).

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đang áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND. Qua hơn 03 năm thực hiện, công tác thu phí công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát, Chàng Riệc, Tân Nam đi vào nề nếp, tạo nguồn thu ổn định cho ngân sách tỉnh. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND đã phát sinh một số nội dung thực tiễn quản lý, điều hành cần nghiên cứu để xem xét, điều chỉnh. Cụ thể:

(1) Ý kiến của Ban pháp chế HĐND tỉnh kiến nghị UBND tỉnh tại Báo cáo số 246/BC-HĐND ngày 14/10/2024 của HĐND tỉnh “*Quan tâm chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu đối với các mặt hàng quá cảnh, phí bến bãi tại các cửa khẩu để có giải pháp phù hợp trong thời gian tới*”.

(2) Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định “*Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 4 Luật phí và lệ phí quyết định tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí. Trường hợp các khoản phí có tính chất tương tự, cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định mức tỷ lệ để lại chung áp dụng thống nhất*”.

Hiện tại, tỷ lệ để lại cho đơn vị thu phí tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ở mỗi cửa khẩu khác nhau trong cùng nội dung thu phí[[4]](#footnote-4) trên tổng số phí thu được. Do vậy, cần điều chỉnh để đảm bảo quy định “*mức tỷ lệ để lại chung áp dụng thống nhất*” về quy định tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí.

(3) Ngoài việc quản lý, điều hành đối với các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trong khu kinh tế theo quy định (*cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, Xa Mát, Tân Nam*), ngày 31/01/2024 UBND tỉnh ban hành Quyết định 240/QĐ-UBND. Theo đó, UBND tỉnh giao Ban Quản lý Khu kinh tế quản lý thêm các cửa khẩu chính ngoài khu kinh tế (*cửa khẩu chính Phước Tân, Kà Tum*).

Việc tăng đầu mối quản lý (từ 3 thành 6 cửa khẩu) và mở rộng địa bàn quản lý (*trải dài 240 km biên giới*) đòi hỏi cần nguồn lực tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ đồng thời tránh sự bất cập, so sánh việc thu phí giữa các cửa khẩu chính trên cùng địa bàn tỉnh với nhau[[5]](#footnote-5).

(4) Lưu lượng xe qua lại và kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa tại cửa khẩu chính Phước Tân và Kà Tum lớn[[6]](#footnote-6) là nguồn thu bổ sung ngân sách tiềm năng cho tỉnh.

(5) Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND phát sinh một số đối tượng phương tiện để có thể áp dụng mức thu do chưa được điều chỉnh trong Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND như: container trên 40 fit, 1 container chở 02 thùng container cùng loại 20 fit.

(6) UBND tỉnh thống nhất chủ trương điều chỉnh Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND tại văn bản số 0793/VP-TH ngày 25/3/2025 theo báo cáo đề xuất của Ban Quản lý Khu kinh tế tại Báo cáo số 32/BC-BQLKKT[[7]](#footnote-7) ngày tháng 02/2025.

Do vậy, việc điều chỉnh Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND là cần thiết và phù hợp tình hình thực tiễn.

**PHẦN III**

**NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

**I. TÊN ĐỀ ÁN**

Xây dựng Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (*Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh*).

**II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THU**

- Phạm vi: Thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào khu vực cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Đối tượng thu: Các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh, dịch vụ có phương tiện chở khách (các loại xe khách có chở khách) và phương tiện vận tải chở hàng hóa (các loại xe tải có chở hàng hóa) xuất, nhập khẩu ra, vào khu vực cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (áp dụng cả phương tiện chở khách và phương tiện vận tải chở hàng hóa của Campuchia khi ra, vào khu vực cửa khẩu).

**III. ĐƠN VỊ THU**

Trung tâm quản lý cửa khẩu Tây Ninh trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh[[8]](#footnote-8) chủ trì tổ chức thu, xây dựng quy trình thu và dự toán chi phí cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ cửa khẩu và chi phí thu tại cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính theo quy định.

**IV. NỘI DUNG THU**

**1. Mức thu phí, đối tượng thu**

*- Về mức thu:* áp dụng mức thukế thừa theo quy định tạiNghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND.

*- Đối tượng thu:* ngoài các đối tượng thu kế thừa theo quy định tạiNghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND, dự thảo Nghị quyết bổ sung đối tượng thu gồm: xe chở hàng bằng container 40fit trở lên; xe chở hàng bằng 02 container 20fit. Cụ thể:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | *ĐVT: đồng/xe/lần ra, vào* | |
| **STT** | **PHƯƠNG TIỆN CHỊU PHÍ** | **MỨC THU** | **GHI CHÚ** |
|
| **A** | **Phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu** (các loại xe tải có chở hàng hóa) |  |  |
| I | **Đối với hàng hóa là hoa quả, nông sản** |  |  |
| 1 | Xe ô tô có tải trọng dưới 02 tấn, xe 03 bánh và các loại xe tương tự | 80.000 |  |
| 2 | Xe ô tô có tải trọng từ 02 đến dưới 04 tấn | 160.000 |  |
| 3 | Xe ô tô có tải trọng từ 04 đến dưới 10 tấn | 240.000 |  |
| 4 | Xe ô tô có tải trọng từ 10 đến dưới 18 tấn; Xe chở hàng bằng container 20fit | 320.000 |  |
| 5 | Xe ô tô có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container từ 40fit trở lên; xe chở hàng bằng 02 container 20fit. | 400.000 | Bổ sung đối tượng xe chở hàng bằng 02 container 20fit ; xe chở hàng bằng container 40fit trở lên |
| **II** | **Đối với hàng hóa khác (trừ các loại gỗ)** |  |  |
| 1 | Xe ô tô có tải trọng dưới 02 tấn, xe 03 bánh và các loại xe tương tự | 100.000 |  |
| 2 | Xe ô tô có tải trọng từ 02 đến dưới 04 tấn | 200.000 |  |
| 3 | Xe ô tô có tải trọng từ 04 đến dưới 10 tấn | 300.000 |  |
| 4 | Xe ô tô có tải trọng từ 10 đến dưới 18 tấn; Xe chở hàng bằng container 20fit | 400.000 |  |
| 5 | Xe ô tô có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container từ 40fit trở lên; xe chở hàng bằng 02 container 20fit. | 500.000 | Bổ sung đối tượng xe chở hàng bằng 02 container 20fit ; xe chở hàng bằng container 40fit trở lên |
| **III** | **Đối với phương tiện chở hàng hóa là gỗ** |  |  |
| 1 | Đối với phương tiện chở gỗ từ nhóm 1, 2, 3 | Mức thu áp dụng bằng 02 lần đối với hàng hóa khác |  |
| 2 | Đối với phương tiện chở gỗ không thuộc gỗ nhóm 1, 2, 3 (gỗ có giá trị thấp, củi đốt,…) | Mức thu áp dụng bằng đối với hàng hóa khác |  |
| **B** | **Phương tiện vận tải chở hàng hóa (đi qua lãnh thổ Việt Nam để xuất khẩu, nhập khẩu qua nước khác (quá cảnh, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, ...) do cơ quan Hải Quan ban hành[[9]](#footnote-9) (*trừ các phương tiện vận tải chở hàng hóa tại Mục A phụ lục này*)** |  | Ngoài các phương tiện vận tải chở hàng hóa: tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất tái nhập, hàng hóa chuyển khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan, hàng quá cảnh, hàng hóa chuyển cảng, bổ sung  đối tượng là các phương tiện vận tải chở hàng hóa (đi qua lãnh thổ Việt Nam để xuất khẩu, nhập khẩu qua nước khác (quá cảnh, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, ...) trong đó, không bao gồm tại Mục A phụ lục này |
| **I** | **Phương tiện vận tải chở hàng hóa là hoa quả, nông sản** |  |  |
| 1 | Xe ô tô có tải trọng dưới 04 tấn | 800.000 |  |
| 2 | Xe ô tô có tải trọng từ 04 đến dưới 10 tấn | 1.200.000 |  |
| 3 | Xe ô tô có tải trọng từ 10 đến dưới 18 tấn; Xe chở hàng bằng container 20fit | 1.600.000 |  |
| 4 | Xe ô tô có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container từ 40fit trở lên; xe chở hàng bằng 02 container 20fit. | 2.000.000 | Bổ sung đối tượng xe chở hàng bằng 02 container 20fit ; xe chở hàng bằng container 40fit trở lên |
| **II** | **Phương tiện vận tải chở hàng hóa khác** |  |  |
| 1 | Xe ô tô có tải trọng dưới 04 tấn. | 1.000.000 |  |
| 2 | Xe ô tô có tải trọng từ 04 đến dưới 10 tấn. | 1.500.000 |  |
| 3 | Xe ô tô có tải trọng từ 10 đến dưới 18 tấn; Xe chở hàng bằng container 20fit. | 2.000.000 |  |
| 4 | Xe ô tô có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container từ 40fit trở lên; xe chở hàng bằng 02 container 20fit. | 2.500.000 | Bổ sung đối tượng xe chở hàng bằng 02 container 20fit ; xe chở hàng bằng container 40fit trở lên. |
| **III** | **Đối với phương tiện chở hàng hóa là gỗ** |  |  |
| 1 | Đối với phương tiện chở gỗ từ nhóm 1, 2, 3 | Mức thu áp dụng bằng 02 lần đối với hàng hóa khác |  |
| 2 | Đối với phương tiện chở gỗ không thuộc gỗ nhóm 1, 2, 3 (gỗ có giá trị thấp, củi đốt,…) | Mức thu áp dụng bằng mức đối với hàng hóa khác |  |
| **C** | **Xe Khách** (Bao gồm xe khách có chở khách, xe khách không chở khách nhưng có chở hàng hóa) |  |  |
| 1 | Dưới 12 chỗ ngồi | 40.000 |  |
| 2 | Từ 12 đến 30 chỗ ngồi | 60.000 |  |
| 3 | Từ 31 chỗ ngồi trở lên | 100.000 |  |

**2. Địa bàn thu**

Áp dụng tại các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Ngoài địa bàn kế thừa theo quy định tạiNghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND, dự kiến dự thảo Nghị quyết bổ sung và mở rộng địa bàn thu tại 02 cửa khẩu chính theo Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 31/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giao trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động tại các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Cụ thể:

*a. Kế thừa địa bàn theo quy định tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND*

- *Các cửa khẩu quốc tế:* Mộc Bài, Xa Mát, Tân Nam.

- *Cửa khẩu chính:* Chàng Riệc.

*b. Bổ sung địa bàn thu phí tại các cửa khẩu chính:* Phước Tân, Kà Tum.

**3. Tỷ lệ phần trăm (%) để lại cho đơn vị thu**

Căn cứ tình hình thực tế, đơn vị thu phí tham mưu đề xuất thống nhất 01 cơ quan thu phí với 01 tỷ lệ phần trăm để lại đơn vị thu để chi phí cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ tại cửa khẩu là **10%** trên tổng số thu tại các cửa khẩu. Cụ thể:

Dự kiến tổng số thu các cửa khẩu bình quân mỗi năm trong giai đoạn 2025 -2029: **363.254.998.375** đồng. Trong đó:

* *Mộc Bài:* **298.384.087.500** đồng.
* *Xa Mát:* **35.364.040.000** đồng .
* *Tân Nam:* **2.983.840.875** .
* *Chàng Riệc:* **22.102.525.000** đồng.
* *Phước Tân:* **2.210.252.500** đồng.
* *Kà Tum:* **2.210.252.500** đồng.

Dự kiến tỷ lệ để lại trên tổng số phí thu được giai đoạn 2025 - 2029: **36.325.499.838** đồng (*tương đương* ***10%*** *dự kiến tổng thu*). Trong đó:

* *Trích để lại 7% (chi thường xuyên):* **25.427.849.886** đồng.
* *Trích để lại 3% (chi không thường xuyên):* **10.897.649.951** đồng .

*(đính kèm tại Phụ lục 4 dự toán mức thu)*

**IV. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN THU**

- Số phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng thu được tại cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính sau khi trích lại cho hoạt động thu phí theo quy định, số còn lại nộp ngân sách nhà nước và điều tiết 100% vào ngân sách tỉnh.

- Số phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng thu được nộp vào ngân sách và được ưu tiên dùng để đầu tư duy tu, sửa chữa, đầu tư mới các công trình tại các cửa khẩu; Đầu tư các công trình quan trọng khác của địa phương trực tiếp hoặc gián tiếp thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội khu vực cửa khẩu.

**PHẦN IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Sau khi Đề án được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu mức thu không còn phù hợp với thực tế hoặc cơ sở pháp lý có liên quan đến thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng qua lại cửa khẩu có sự thay đổi, UBND tỉnh sẽ trình HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Trên đây là Đề án xây dựng Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu chính, cửa khẩu quốc tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (*Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh*) của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh kính trình UBND tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TRƯỞNG BAN** |

1. Riêng năm2024: cửa khẩu Mộc Bài ghi nhận **119.407** lượt xe quá cảnh (**48,7%** tổng lượt xe), đóng góp **283.350** triệu đồng (**88%** tổng thu). [↑](#footnote-ref-1)
2. một số tuyến đường, công trình đã và đang sửa chữa hiện nay như ở cửa khẩu Mộc Bài gồm: đường 75A, ĐD4, ĐD8, Đ91, D923; cửa khẩu Xa Mát tuyến đường vào cửa khẩu (Barie số 1)… [↑](#footnote-ref-2)
3. điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 quy định:

   “*Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí phù hợp*

   *…*

   *b) Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu (bao gồm: khu vực cửa khẩu biên giới đất liền và khu vực cửa khẩu cảng biển) là khoản thu đối với các đối tượng sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu để bù đắp chi phí duy tu, bảo dưỡng, duy trì điều kiện phục vụ hoặc tái tạo các công trình hạ tầng kỹ thuật - xã hội, công trình dịch vụ và tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu*.” [↑](#footnote-ref-3)
4. tỷ lệ để lại theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND cho đơn vị thu phí: Mộc Bài 3%, Xa Mát 11%, Chàng Riệc 09%, Tân Nam 30%; đơn vị thu: Ban quản lý cửa khẩu quốc tế Tây Ninh (*nay là Trung tâm quản lý cửa khẩu Tây Ninh*) thu phí tại các cửa khẩu quốc tế: Mộc Bài, Xa Mát, Tân Nam; Ban quản lý Chợ và các bến bãi huyện Tân Biên thu phí cửa khẩu chính Chàng Riệc. [↑](#footnote-ref-4)
5. Cùng là cửa khẩu chính, tuy nhiên hiện nay tại cửa khẩu Chàng Riệc đã tổ chức triển khai thu phí, trong khi tại cửa Phước Tân, Kà Tum khẩu vẫn chưa chức việc thu phí qua hai cửa khẩu này. [↑](#footnote-ref-5)
6. Lưu lượng xe qua lại tại các cửa khẩu chính chưa tổ chức thu phí cao, Cụ thể: (**1) Cửa khẩu Phước Tân** có tổng lượt xe qua lại hàng năm: **13.723** lượt (năm 2022), **15.109** lượt (năm 2023), **21.013** lượt (năm 2024); với kim ngạch xuất nhập khẩu 96.047.972,89 USD (năm 2022), 92.354.622,23 USD (năm 2023), 119.259.532,60 USD (năm 2024); **(2)** **Cửa khẩu KàTum** có tổng lượt xe qua lại hàng năm: **27.729** lượt (năm 2022), **25.069** lượt (năm 2023), **17.757** lượt (năm 2024); với kim ngạch xuất nhập khẩu 932.809.984,38 USD (năm 2022), 534.746.590,11 USD (năm 2023), 707.674.942,3 USD (năm 2024). [↑](#footnote-ref-6)
7. về sơ kết kết quả thực hiện Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 01/7/2021 của HĐND tỉnh và Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh [↑](#footnote-ref-7)
8. *thành lập theo Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 và Quyết định số 1081QĐ-UBND ngày 6/6/2024 của UBND tỉnh về việc tổ chức lại mô hình hoạt động của Ban quản lý cửa khẩu quốc tế Tây Ninh thành Trung tâm quản lý cửa khẩu Tây Ninh trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh*. [↑](#footnote-ref-8)
9. Hiện tại đang áp dụng tại Quyết định số 1357/QĐ-TCHQ ngày 18/05/2021 do Tổng Cục Hải Quan ban hành bảng mã loại hình xuất khẩu, nhập khẩu và hướng dẫn sử dụng [↑](#footnote-ref-9)